

Bản án số: 83/2017/HSPT

Ngày: 25-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Quang Dũng.

2. Ông Bạch Đăng Thi.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2017/HSPT ngày 03/7/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn M do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Nguyễn Trọng T; tên gọi khác: không có; sinh ngày 10/02/ 1993 tại xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; số Chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Trọng L (sinh năm 1971, đã chết) và bà Hoàng Thị H (sinh năm 1974); chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2016 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn M; tên gọi khác: không có; sinh ngày 07/8/ 1997 tại xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; số Chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1975) và bà

Nguyễn Thị T (sinh năm 1976); vợ, con: chưa có; tiền sự: Quyết định số 09/QĐ-XPHC ngày 24/10/2016 Công an thị trấn C, huyện Y xử phạt hành chính Nguyễn Văn M về hành vi đánh nhau; tiền án: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2016 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang; có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn M:* Ông Nguyễn Văn T, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (xin vắng mặt).

**Người bị hại:*

1. Anh Nông Tuấn A (Tên gọi khác: T), sinh năm 1984 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
2. Chị Triệu Thị L, sinh năm 1987 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 (có mặt);
2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1974 (vắng mặt);
Đều cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt);
4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (có mặt);
5. Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1974 (có mặt);
Đều cùng địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 15/KSĐT ngày 17/4/2017 của VKSND huyện Y và bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 24/5/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Trưa ngày 30/11/2016, Nguyễn Trọng T được chị Nguyễn Thị T1 ở thôn Đ, xã T, huyện Y là cô ruột của T nói cho biết anh Nông Tuấn A , sinh năm 1984 ở thôn Đ, xã T, huyện Y nợ chị T1 số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) tiền công phụ hồ từ lâu nhưng không trả. Trưa ngày 01/12/2016, chị T1 nhờ đòi tiền hộ và được T đồng ý, chị T1 nói cho T biết Tuấn A đang làm cai xây dựng ở bản T, xã T, huyện Y. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn M, sinh năm 1997 (là anh họ T) ở cùng thôn đi đòi tiền hộ chị T1 thì M đồng ý. Hai người đi xe mô tô đến lán xây dựng của anh Nông Tuấn A ở bản T, xã T, huyện Y. Tại đây, giữa T và Nông Tuấn A thỏa thuận ngày 08/12/2016 (tức ngày 10/11/2016

âm lịch) anh Tuấn A trả tiền cho chị T1 nên T, M đi về. Khoảng 20 giờ cùng ngày, chị T1 gọi điện thoại nói cho T biết việc bị anh Tuấn A gọi điện thoại chửi bới và dọa dùng xăng đốt nhà.

Buổi trưa ngày 02/12/2016, T, M ăn cơm tại nhà T. Khoảng 13 giờ, T rủ M đi đòi tiền công hộ chị T1. M mượn một chiếc xe mô tô kiểu Dream, không nhớ biển kiểm soát của một thanh niên lạ mặt đang chơi điện tử trong quán gần dốc chích chòe rồi đèo T đến lán xây dựng của anh Tuấn A. Khi đến gần lán, M dựng xe mô tô ở trước cửa một ngôi nhà đang xây rồi cả hai đi bộ vào trong lán. Lúc này, chị Triệu Thị L, sinh năm 1987 là vợ của anh Tuấn A đang nằm cùng con nhỏ trên sạp gỗ bằng ván cốt pha. T yêu cầu chị L cho số điện thoại hoặc gọi anh Nông Tuấn A về trả nợ nhưng chị L không đồng ý và đứng dậy trên sạp gỗ định đi ra ngoài cửa. T nhặt một đoạn ống kim loại bằng sắt dài 1,07m, một đầu cưa bằng có đường kính 2cm, một đầu bẹt ở dưới sạp gỗ và cầm bằng hai tay đẩy vào người chị L cho lùi lại đồng thời yêu cầu chị L gọi anh Nông Tuấn A về. Chị L lùi lại thì T dùng tay phải cầm gậy đánh một cái trúng vào vùng đùi phải của chị L. T tiếp tục khua gậy đánh về phía chân chị L nhưng chị L dùng chân che nên không trúng. T dọa chị L: "*Mày không gọi về tao đánh chết mày*". Lúc này, chị L vẫn cố xuống khỏi sạp gỗ để đi ra ngoài, M nhảy lên sạp dùng tay phải tát một cái trúng vào vùng gò má trái làm chị L ngã xuống rãnh mương phía sau sạp gỗ. T quát bảo chị L "*Gọi chồng về ngay*". Chị L buộc phải lấy điện thoại di động gọi báo anh Tuấn A về lán.

M đi ra phía ngoài lán nhặt đoạn gậy gỗ dài 1,23m, đường kính 4,4cm, một đầu cưa bằng, một đầu nham nhở; T cầm gậy sắt đứng trước cửa lán đợi anh Tuấn A. Khoảng 05 phút sau, anh Tuấn A đi xe mô tô về đỗ xe cách lán khoảng 30m rồi đi bộ đến. T, M vẫn cầm gậy và đi về phía anh Tuấn A. Vừa đi T vừa nói: "*Sao tới qua mày chửi cô tao, tao bảo thế thì mày dọa ai?*". Do sợ anh Tuấn A bị đánh, lúc này chị L bế con đi ra rìa đường để tìm người giúp. Khi còn cách anh Tuấn A khoảng 02m, T nói: "*Hôm nay tao lên là phải đưa tiền, không tao đánh chết*" và T tiến đến dùng tay phải tát một cái vào vùng mặt bên trái anh Tuấn A. T vất gậy ra phía sau rồi dùng tay trái túm giữ cổ áo, tay phải tát liên tiếp hai đến ba cái nữa vào mặt anh Tuấn A. Vừa đánh T vừa nói: "*Mồ hôi công sức của cô chú tao, mày định ăn quýt à, tao đánh chết mày*". M cũng vất gậy gỗ xuống đất. Bị đánh, anh Tuấn A lùi lại thì T dùng chân phải đi dép lê đập một cái vào vùng bụng làm anh Tuấn A ngã ngồi xuống đất. T, M cùng xông vào dùng chân, tay đánh anh Tuấn A. Sau đó, thấy anh Tuấn A bị đánh chảy máu mũi thì T, M không đánh nữa. T dùng tay trái túm tóc, tay phải chỉ vào mặt anh Tuấn A và yêu cầu trả tiền ngay. M nhặt đoạn

gậy gỗ lên cầm ở tay phải giờ đầu gậy vào gần mặt anh Tuấn A đe dọa. Sau đó, T bỏ tay túm tóc ra, anh Tuấn A đứng dậy đi về phía lán thì T chạy theo dùng tay trái túm giữ cổ áo kéo lại nói phải đưa tiền ngay. Anh Tuấn A gọi bảo chị L lấy 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn đồng) đưa cho T, M. Chị L lấy tiền ra thì T bảo M đếm. M vát đoạn gậy gỗ vào đóng cát cách đó khoảng 03m rồi cầm lấy số tiền chị L đưa. M đếm tiền và thông báo cho T biết đủ 3.200.000 đồng. Lúc này, T bỏ tay túm cổ áo của anh Tuấn A rồi cùng M đi xe mô tô về.

Trên đường đi về, M đưa số tiền 3.200.000 đồng cho T rồi cả hai đi về thị trấn C, huyện Y. T đưa tiền cho chị T1 sau đó hỏi vay tiền thì chị T1 cho T vay 1.500.000 đồng, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Chị T1 cầm 1.700.000 đồng đến 18 giờ 35 phút ngày 02/12/2016 thì giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngay sau khi bị cướp tài sản, anh Tuấn A trình báo với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y. Ngày 02/12/2016, Nguyễn Văn M bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y bắt khẩn cấp. Nguyễn Trọng T bỏ trốn đến ngày 22/12/2016 ra đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 15/KSĐT ngày 17/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn M về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, khoản 2, Điều 133-Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 24/5/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn M phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 133; Điều 20; Điều 33; Điều 45; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 53- Bộ luật hình sự; Điều 190, Điều 191- Bộ luật tố tụng hình sự;

- Xử phạt: Nguyễn Trọng T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 12 năm 2016.

- Xử phạt: Nguyễn Văn M 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2016.

- Áp dụng khoản 1, điểm a, điểm b, khoản 2, khoản 3, Điều 76; Điều 99; Điều 231; Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ dài 1,23m, đường kính 4,4cm, một đầu cưa bằng, một đầu nham nhở; 01 đoạn ống kim loại dài 1,07m, một đầu bẹt, một đầu có đường kính 02cm; 01 đôi dép lê có đế màu vàng, quai dép màu xanh.

+ Trả lại chị Nguyễn Thị T1 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn M 730.000đ (Bảy trăm ba mươi nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, Model 1133, số IMEI 1: 355135074385241 nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

+ Các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong:

- Ngày 01/6/2017 TAND huyện Y nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M đề ngày 29/5/2017 do Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang tiếp nhận và chuyển đến qua dịch vụ bưu chính. Nội dung kháng cáo của bị cáo là mức phạt 7 năm tù là quá nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 12/6/2017 TAND huyện Y nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng T đề ngày 06/6/2017 do Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang tiếp nhận và chuyển đến qua dịch vụ bưu chính. Nội dung kháng cáo của bị cáo là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét mức hình phạt 7 năm 03 tháng tù là quá cao, đề nghị xem xét toàn diện vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do vì: Bị cáo bị xét xử về tội “Cướp tài sản” là đúng, không oan sai gì nhưng mức án sơ thẩm xử phạt 7 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Trọng T thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do vì: Bị cáo bị xét xử về tội “Cướp tài sản” là đúng, không oan sai gì nhưng mức án sơ thẩm xử phạt 7 năm 03 tháng tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuổi đời còn trẻ thiếu hiểu biết pháp luật; mục đích của bị cáo là đòi tiền công hộ cô ruột nên mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Buổi trưa ngày 01/12/2016 sau khi nhờ T đi đòi hộ tiền công phụ hồ 3.200.000 đồng thì T có về bảo lại là Tuấn A hẹn đến ngày 08/12/2016 sẽ trả tiền. Tuy nhiên tới hôm đó Tuấn A gọi điện thoại chửi bới và dọa dùng xăng đốt nhà nên tôi sợ gọi cho T bảo thôi không đòi tiền nữa. Do T còn trẻ,

thiếu hiểu biết nên bức xúc hành động nông nổi như vậy, bản thân tôi rất áy náy, ân hận vì đã khiến cháu mình phải chịu tội, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ tội cho các bị cáo.

- Chị Hoàng Thị H trình bày: Khi xảy ra sự việc bị cáo có nhờ tôi lo liệu bồi thường. Tôi và gia đình chị Nguyễn Thị T đã cùng nhau góp tiền để bồi thường cho gia đình anh Tuấn A và xin lỗi, gia đình anh ấy đã thông cảm và có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo, mong HĐXX xem xét. Số tiền đã bồi thường không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

- Chị Nguyễn Thị T trình bày: Khi xảy ra sự việc tôi và gia đình chị H đã cùng nhau góp tiền để bồi thường cho gia đình anh Tuấn A, gia đình anh ấy đã thông cảm và có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo, mong HĐXX xem xét. Số tiền đã bồi thường không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo được nộp cho Tòa án trong hạn 15 ngày sau khi tuyên án sơ thẩm nên là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội. Các bị cáo có tuổi đời còn trẻ, tại quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối lỗi. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, Điều 46- BLHS. Mặt khác án sơ thẩm chưa đánh giá hết nguyên nhân, động cơ, mục đích dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đòi tiền công hộ cho cô ruột chứ không phải mục đích cần tiền chi tiêu cá nhân. Vì vậy mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm c, khoản 1, Điều 249- BLTTHS chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 24/5/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 133; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 47; Điều 53; Điều 20; Điều 33 - Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 05 (năm) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 12 năm 2016; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2016.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h, khoản 2, Điều 23- NQ/326 của Quốc hội.

Các bị cáo, người liên quan không có quan điểm tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn M đều có đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có điều kiện cải tạo tốt và sớm trở về giúp đỡ gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng và việc các bị cáo từ chối Luật sư bào chữa: Những người tham gia tố tụng được tổng đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ, bị hại có đơn xin vắng mặt, người liên quan vắng mặt không lý do nhưng đã có lời khai nên không ảnh hưởng xét xử. Việc các bị cáo và người thân có quan điểm từ chối luật sư Nguyễn Văn T, tự bào chữa cho hành vi phạm tội của các bị cáo. HĐXX thấy đây là quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa của các bị cáo được quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 50- BLTTHS, kể cả trong trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 57-BLTTHS thì các bị cáo vẫn có quyền từ chối Luật sư bào chữa nhưng trường hợp Luật sư Nguyễn Văn T là do gia đình bị cáo mời, do đó cần chấp nhận việc từ chối Luật sư bào chữa của các bị cáo.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng 13 giờ ngày 02/12/2016, sau khi ăn cơm xong, T rủ M đi đòi tiền anh Nông Tuấn A hộ chị Nguyễn Thị T1. Khi đến lán xây dựng nơi anh Nông Tuấn A nhận công trình đang thi công, do anh Tuấn A không có mặt ở lán, T đã đe dọa, dùng gậy sắt đánh vào chân chị Triệu Thị L, M dùng tay phải tát trúng gò má trái chị L làm chị L sợ hãi phải gọi điện thoại cho anh Tuấn A về lán. Khi anh Tuấn A về thì T là người chủ động dùng chân tay không đánh anh Tuấn A trước, sau đó M cũng cùng T đánh anh Tuấn A bằng chân tay không. Khi anh Tuấn A bị đánh chảy máu cam, tâm lý sợ hãi, ngồi dưới đất

không dám kháng cự thì T tiếp tục dùng tay trái túm tóc đe dọa, M dùng gậy gỗ dí vào đầu anh Tuấn A đe dọa, mục đích để anh Tuấn A phải trả tiền. Do bị T và M dùng vũ lực đánh đập đe dọa anh Tuấn A đã phải bảo chị Triệu Thị L lấy tiền đưa cho M. Bị cáo T cũng thừa nhận mặc dù T chỉ dùng chân tay không đánh anh Tuấn A nhưng khi bị cáo M dùng gậy gỗ dí vào đầu anh Tuấn A đe dọa thì bị cáo T cũng có chung ý chí và đồng tình với hành vi của bị cáo M. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được hành vi dùng vũ lực, công cụ có khả năng gây nguy hiểm đánh đập, đe dọa, uy hiếp buộc người bị hại phải đưa tiền cho mình là trái pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả thực hiện hành vi để chiếm đoạt số tiền 3.200.000 đồng. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn M về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 133- Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy: Tại phiên tòa, các bị cáo chỉ có yêu cầu kháng cáo xem xét xin giảm nhẹ hình phạt nên các vấn đề khác của án sơ thẩm như trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí...có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng tại khoản 1, Điều 48- Bộ luật hình sự là chính xác.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: án sơ thẩm xác định các bị cáo đều “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “bồi thường khắc phục hậu quả” nên được áp dụng điểm b, điểm p, khoản 1, Điều 46- BLHS; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Nguyễn Trọng T sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an “đầu thú” khai báo hành vi của mình và đồng bọn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 46- Bộ luật hình sự là chính xác.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Cấp sơ thẩm xác định các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò đồng phạm với nhau, tuy nhiên do các bị cáo không bàn bạc để phân công vai trò, trách nhiệm nên vai trò đồng phạm mang tính chất giản đơn. Nguyễn Trọng T là người có vai trò chính. Bản thân Nguyễn Trọng T là người chủ động rủ Nguyễn Văn M đến gặp anh Nông Tuấn A để đòi tiền, khi đến lán xây dựng nơi anh Tuấn A đang thi công công trình tại bản T, xã T nhưng không gặp anh Tuấn A, T là người chủ động thực hiện hành vi dùng gậy sắt đánh chị L trước, buộc chị L phải gọi anh Tuấn A về gặp T và M. Khi anh Tuấn A về khu vực công trình xây dựng T là người chủ động dùng vũ lực đánh anh Tuấn A trước.

Nguyễn Văn M có vai trò sau Nguyễn Trọng T, nhưng bản thân M cũng là người thực hiện hành vi phạm tội rất tích cực, cụ thể khi bị cáo T yêu cầu chị L cho số điện thoại của anh Tuấn A nhưng chị L không cho, M đã nhảy lên sạp gỗ tát chị L làm chị L ngã xuống rãnh nước sau sạp gỗ; bị cáo M cũng cùng Nguyễn Trọng T dùng chân tay không đánh anh Tuấn A cho đến khi anh Tuấn A chảy máu cam, hoàn toàn tê liệt ý chí kháng cự, túm tóc, dùng gậy gỗ dí vào đầu đe dọa nên anh Tuấn A buộc phải bảo chị L lấy tiền đưa cho các bị cáo.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của các bị cáo cũng như tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi các bị cáo đã thực hiện, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Tuy nhiên xét nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo, HĐXX thấy nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát một phần từ việc anh Nông Tuấn A thuê chị Nguyễn Thị T1 (là cô ruột bị cáo T) làm thợ phụ hồ xây dựng nhưng không chịu thanh toán tiền công. Buổi trưa ngày 01/12/2016 T lên đòi tiền hộ thì anh Tuấn A đã thỏa thuận đến ngày 08/12/2016 trả tiền nhưng sau đó anh Tuấn A lại gọi điện chửi và đe dọa đốt nhà chị T1. Được chị T1 cho biết sự việc trên T đã bức xúc rủ M đến gặp Tuấn A đòi tiền và dẫn đến hành vi phạm tội. Như vậy có thể thấy chỉ vì đi đòi tiền công hộ cô ruột nhưng do còn trẻ tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên các bị cáo đã hành xử trái pháp luật. Số tiền 3.200.000 đồng các bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng anh Tuấn A cũng chính là số tiền công mà người bị hại còn nợ và chưa thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị T1. Lấy được tiền T đã đem trả ngay cho chị T1. Điều đó cho thấy các bị cáo không phải là đối tượng có mục đích chiếm đoạt tiền của người bị hại để sử dụng vào mục đích cá nhân. Quá trình điều tra các bị cáo cũng đã nhận thức được hành vi như vậy là sai trái, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và động viên gia đình bồi thường khắc phục hậu quả. Người bị hại cũng đã thông cảm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội cải tạo tốt sớm trở về với xã hội. Từ những nội dung trên HĐXX thấy rằng mức án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất mức độ của vụ án do các bị cáo gây ra. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, Điều 46- BLHS, vì vậy cần áp dụng Điều 47-BLHS xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Do đó căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm c, khoản 1, Điều 249- BLTTHS chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên căn cứ quy định tại điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 248; điểm c, khoản 1, Điều 249-Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn M xin giảm nhẹ hình phạt. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đối với các bị cáo.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn M phạm tội “Cướp tài sản”.

- Về hình phạt:

+Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 133; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 33- Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 12 năm 2016.

+Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 133; điểm b, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 33- Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2016.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng